

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 52 Lê Đại Hành - Phường Lê Đại Hành - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.38257979

Fax: 04.38260735

# GELEX

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ I NĂM 2017

HÀ NỘI, THÁNG 04 NĂM 2017



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo tài chính riêng	02-31
Bảng cân đối kế toán riêng	02-03
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	04
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	05-06
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	07-31

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.299.238.333.741</b>	<b>2.387.487.256.005</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>26.848.553.477</b>	<b>1.952.418.381.205</b>
111	1. Tiền		20.348.553.477	307.418.381.205
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.500.000.000	1.645.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>853.898.750.000</b>	<b>242.046.708.523</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		550.000.000.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		303.898.750.000	242.046.708.523
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>375.189.856.465</b>	<b>182.141.870.759</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	326.549.767.074	163.450.273.240
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		31.692.257.418	1.636.721.863
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.000.000.000	6.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	10.947.831.973	11.054.875.656
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>27.049.187.000</b>	<b>326.486.935</b>
141	1. Hàng tồn kho		27.049.187.000	326.486.935
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>16.251.986.799</b>	<b>10.553.808.583</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	155.012.887	99.327.985
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		15.981.963.489	10.444.847.648
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	115.010.423	9.632.950
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.921.045.648.515</b>	<b>3.027.652.236.271</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>349.627.100.697</b>	<b>353.326.135.601</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	349.627.100.697	353.326.135.601
222	- Nguyên giá		469.218.389.504	467.908.092.528
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(119.591.288.807)	(114.581.956.927)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.000.000)	(60.000.000)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>4.138.214.910</b>	<b>4.455.651.410</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.138.214.910	4.455.651.410
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>4.537.625.633.340</b>	<b>2.638.243.819.355</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.430.032.371.275	1.971.025.617.177
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		122.315.122.372	681.940.062.485
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(14.721.860.307)	(14.721.860.307)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>29.654.699.568</b>	<b>31.626.629.905</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	29.654.699.568	31.626.629.905
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.220.283.982.256</b>	<b>5.415.139.492.276</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.743.215.532.135</b>	<b>3.326.735.731.050</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>789.081.899.163</b>	<b>1.352.260.147.189</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	85.448.336.204	125.201.617.399
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		408.447.638	331.910.950
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	666.930.872	10.110.354.020
314	4. Phải trả người lao động		1.885.733.156	6.987.068.362
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	48.390.366.898	11.877.743.290
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	3.020.458.734	3.192.367.948
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	21.568.869.210	22.202.719.816
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	600.884.852.683	1.152.533.365.523
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	26.090.434.247	18.517.030.360
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		717.469.521	1.305.969.521
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.954.133.632.972</b>	<b>1.974.475.583.861</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	46.667.983.706	46.945.637.558
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	98.895.037.895	99.062.274.095
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	1.791.200.000.001	1.793.713.636.364
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	20	15.868.073.879	25.640.119.184
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.502.537.491	9.113.916.660
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.477.068.450.121</b>	<b>2.088.403.761.226</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	21	<b>3.474.725.922.347</b>	<b>2.086.022.491.785</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.320.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.320.000.000.000	1.550.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		682.126.000.000	66.378.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		139.656.441.276	139.656.441.276
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		337.968.481.071	335.013.050.509
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		335.013.050.509	29.506.521.349
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		2.955.430.562	305.506.529.160
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>2.342.527.774</b>	<b>2.381.269.441</b>
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		2.342.527.774	2.381.269.441
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.220.283.982.256</b>	<b>5.415.139.492.276</b>



Dương Việt Nga  
Người lập



Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Quý I năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	655.955.733.743	381.698.804.158
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	-	201.188.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		655.955.733.743	381.497.616.158
11	4. Giá vốn hàng bán	25	644.645.492.236	325.428.818.362
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.310.241.507	56.068.797.796
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		46.007.915.586	38.458.614.888
22	7. Chi phí tài chính	27	51.593.033.569	16.981.916.496
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		50.542.307.717	177.593.625
25	8. Chi phí bán hàng	28	(968.664.544)	2.924.612.655
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.636.630.345	9.303.276.723
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.057.157.723	65.317.606.810
31	11. Thu nhập khác		100.000	50.001
32	12. Chi phí khác	31	101.827.161	210.540.167
40	13. Lợi nhuận khác		(101.727.161)	(210.490.166)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.955.430.562	65.107.116.644
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	5.722.459.987
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.955.430.562</u>	<u>59.384.656.657</u>



Dương Việt Nga  
Người lập



Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2017

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG***Quý I năm 2017**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.955.430.562	65.107.116.644
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.949.427.712	8.988.425.616
03	- Các khoản dự phòng		(2.198.641.418)	16.777.167.627
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(45.395.160.904)	(38.457.927.528)
06	- Chi phí lãi vay		50.542.307.717	177.593.625
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.853.363.669	52.592.375.984
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(197.999.804.565)	(59.170.529.954)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(26.722.700.065)	59.308.774.864
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(49.370.703.947)	(78.874.262.631)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.916.245.435	(667.254.072)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(550.000.000.000)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(13.176.999.754)	(177.593.625)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.918.948.141)	(4.499.399.393)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(16.888.569.419)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(831.419.547.368)	(48.376.458.246)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(575.656.074)	(40.257.313.457)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(178.898.750.000)	10.000.000.000
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		116.930.041.841	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.917.713.917.735)	(6.123.660.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.332.103.750	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		34.196.695.698	7.112.735.975
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.927.729.482.520)	(29.268.237.482)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

*Quý I năm 2017*  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2017 VND	Quý I năm 2016 VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.385.262.900.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		1.540.003.188.974	37.290.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(2.091.651.701.814)	-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(35.185.000)	(9.530.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>833.579.202.160</b>	<b>37.280.470.000</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(1.925.569.827.728)</b>	<b>(40.364.225.728,00)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>1.952.418.381.205</b>	<b>121.223.651.001,00</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>26.848.553.477</b>	<b>80.859.425.273</b>



**Dương Việt Nga**

Người lập



**Phạm Tuấn Anh**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Tuấn**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2017

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Quý I năm 2017*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 02 năm 2017.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 2.320.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2017 là 2.320.000.000.000 đồng; tương đương 232.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*

## Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Tổng Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán .

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng/Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành/ hoặc chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.9 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

## **2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.11 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## **2.12 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.13 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.15 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán .

**2.16 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.18 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng có liên quan.

## **2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## **2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## **2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

## **2.23 . Yếu tố ảnh hưởng đến việc thay đổi lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ năm trước:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý I năm 2017 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2016 là do: Tổng Công ty đã không còn thực hiện hoạt động sản xuất nữa. Hoạt động sản xuất được tách biệt từ 1/9/2016, do Công ty con là Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện đảm nhiệm.

## **2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.776.906.097	1.163.674.666
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.571.647.380	306.254.706.539
Các khoản tương đương tiền	6.500.000.000	1.645.000.000.000
	<u><b>26.848.553.477</b></u>	<u><b>1.952.418.381.205</b></u>

Tại 31/03/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Chứng khoán kinh doanh**

	<u>31/03/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND		VND
- Chứng khoán	550.000.000.000	550.000.000.000		

1. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 27122016/HĐMBTP/MHC-GEX-VIX ngày 27 tháng 12 năm 2016: 50 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 50 tỷ đồng; Ngày phát hành: 27/06/2016; Ngày Tổng Công ty mua 27/12/2016; Ngày đáo hạn: 27/06/2017; Lãi suất: 9%/năm.

2. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 20170217/HĐMTP/IBSC-GEX ngày 21 tháng 02 năm 2017: 500 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 500 tỷ đồng; Ngày phát hành: 21/02/2017; Ngày Tổng Công ty mua 21/02/2017; Ngày đáo hạn: 21/02/2019; Lãi suất: 9,5%/năm.

**b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/03/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND		VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
- Chứng khoán (2)	110.000.000.000	110.000.000.000	197.046.708.523	197.046.708.523
- Các khoản đầu tư khác	148.898.750.000	148.898.750.000	-	-
	<u><b>303.898.750.000</b></u>	<u><b>303.898.750.000</b></u>	<u><b>242.046.708.523</b></u>	<u><b>242.046.708.523</b></u>

(1) Tại thời điểm 31/03/2017, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

(2) 1. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 27122016/HĐMBTP/MHC-GEX-VIX ngày 27 tháng 12 năm 2016: 50 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 50 tỷ đồng; Ngày phát hành: 27/06/2016; Ngày Tổng Công ty mua 27/12/2016; Ngày đáo hạn: 27/06/2017; Lãi suất: 9%/năm.

2. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 27122016/HĐMBTP/TXT-GEX-VIX ngày 27 tháng 12 năm 2016: 30 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 30 tỷ đồng; Ngày phát hành: 27/06/2016; Ngày Tổng Công ty mua 27/12/2016; Ngày đáo hạn: 27/06/2017; Lãi suất: 9%/năm.

3. Phụ lục chuyên vốn ủy thác đầu tư không chỉ định số 07/PL/CVUT/2017/01/2016/HĐQLDMĐT/VTBC-GELEX ngày 19/01/2017 của Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 01/2016/HĐQLDMĐT/VTBC-GELEX ngày 22/06/2016: Ủy thác đầu tư 30 tỷ đồng trong thời hạn từ 19/01/2017 đến 19/01/2018;

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>4.430.032.371.275</b>	-	<b>1.971.025.617.177</b>	-
- Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	915.259.175.174	-	484.822.695.174	-
- Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	214.009.733.181	-	214.009.733.181	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	-	-	13.000.000.000	-
- Công ty TNHH GELEX Campuchia	531.150.000	-	531.150.000	-
- Công ty CP Thiết bị điện	635.262.038.822	-	670.662.038.822	-
- Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện	368.000.000.000	-	368.000.000.000	-
- Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	1.162.500.000.000	-	220.000.000.000	-
- Công ty cổ phần kho vận Miền Nam	1.134.470.274.098	-	-	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>122.315.122.372</b>	<b>(14.721.860.307)</b>	<b>681.940.062.485</b>	<b>(14.721.860.307)</b>
- Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	16.777.167.627	(14.721.860.307)	16.777.167.627	(14.721.860.307)
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	-	-	5.332.103.750	-
- Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	69.285.387.977	-	69.285.387.977	-
- Công ty cổ phần Khí cụ điện I	36.252.566.768	-	36.252.566.768	-
- Công ty cổ phần kho vận Miền Nam	-	-	554.292.836.363	-
	<b>4.552.347.493.647</b>	<b>(14.721.860.307)</b>	<b>2.652.965.679.662</b>	<b>(14.721.860.307)</b>



**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/03/2017 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam (1)	TP. Hồ Chí Minh	74,73%	74,73%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,88%	65,88%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị
Công ty CP Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	70,79%	70,79%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất thiết bị đo điện
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Gelex (2)	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty cổ phần kho vận Miền Nam (3)	Tp. Hồ Chí Minh	51,03%	51,03%	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển, khai thác cảng

**(1) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Dây và cáp điện Việt Nam (CADIDVI)**

Trong kỳ, CADIVI phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ với số vốn mới sau đăng ký là 576 tỷ đồng. GELEX đã mua bổ sung 21.521.824 cổ phần.

**(2) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX**

Trong kỳ, Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX tăng vốn điều lệ với số vốn mới sau đăng ký là 1.250 tỷ đồng. Tính đến 31/03/2017, số vốn Tổng Công ty đã góp là 1.162.500.000.000 đồng.

**(3) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Kho vận Miền Nam (SOTRANS):**

Trong kỳ, Tổng Công ty đã mua bổ sung 22.299.983 cổ phần của SOTRANS dẫn tới tỷ lệ biểu quyết và lợi ích của Tổng Công ty tăng từ 24,93% lên 51,03%. Do đó, khoản đầu tư vào SOTRANS được chuyển sang trình bày là khoản đầu tư vào Công ty con.

**(4) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng Gelex (GELEX ICC):**

Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện thoái toàn bộ 1.300.000 cổ phần của GELEX ICC do Tổng Công ty nắm giữ.

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2017 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari (VIHEM)	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Dây đồng Việt Nam (CFT)	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc
Công ty cổ phần Khí cụ điện I (VINAKIP)	TP. Hà Nội	49,24%	49,24%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện

**(1). Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT):**

Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện thoái toàn bộ 510.000, cổ phần của EPT do Tổng Công ty nắm giữ.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	6.166.477.136	48.006.417.479
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	58.748.785.790	81.430.811.033
- Công ty TNHH GELEX Campuchia	10.881.605.862	10.881.605.862
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại EMIC	178.956.723.416	
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	62.715.807.369	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	9.080.367.501	23.131.438.866
	<b><u>326.549.767.074</u></b>	<b><u>163.450.273.240</u></b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.	<b><u>121.470.072.105</u></b>	<b><u>92.658.489.064</u></b>

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.000.000.000	4.000.000.000
	<b><u>6.000.000.000</u></b>	<b><u>6.000.000.000</u></b>

Số dư phản ánh các khoản cho vay từ 06 tháng đến 12 tháng với lãi suất tương đương với lãi suất tại các Ngân hàng thương mại mà Tổng Công ty đang giao dịch ở từng thời điểm.

**8 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	<u>31/03/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.516.093.030	-	2.741.704.141	-
Tạm ứng	241.000.000	-	149.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	22.470.000	-	22.470.000	-
Thuế TNCN chi hộ	328.068.943	-	-	-
Tạm ứng tiền thường các đơn vị thành viên	2.070.000.000	-		-
Phải thu Công ty TNHH GELEX Campuchia	-	-	4.957.327.000	-
Tạm ứng tiền thường HĐQT, ban điều hành năm 2016	5.499.200.000	-	3.000.000.000	-
Phải thu khác	271.000.000	-	184.374.515	-
	<b><u>10.947.831.973</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>11.054.875.656</u></b>	<b><u>-</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	324.188.771	-	326.486.935	-
Hàng hoá	26.724.998.229	-	-	-
	<b>27.049.187.000</b>	<b>-</b>	<b>326.486.935</b>	<b>-</b>

**10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.138.214.910	4.455.651.410
- Văn phòng - Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	4.138.214.910	4.138.214.910
- Trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành, Hà Nội	-	-
- Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất	-	-
- Xây dựng cơ bản dở dang khác	-	317.436.500
Mua sắm tài sản cố định	-	-
	<b>4.138.214.910</b>	<b>4.455.651.410</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>313.315.278.018</b>	<b>48.796.652.951</b>	<b>9.996.540.909</b>	<b>95.799.620.650</b>	<b>467.908.092.528</b>
- Mua trong kỳ					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		1.310.296.976			1.310.296.976
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>313.315.278.018</b>	<b>50.106.949.927</b>	<b>9.996.540.909</b>	<b>95.799.620.650</b>	<b>469.218.389.504</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				-	
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>72.341.435.089</b>	<b>24.711.640.020</b>	<b>4.621.891.428</b>	<b>12.906.990.390</b>	<b>114.581.956.927</b>
- Khấu hao trong kỳ	1.798.444.219	570.385.283	260.928.777	2.379.573.601	5.009.331.880
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>74.139.879.308</b>	<b>25.282.025.303</b>	<b>4.882.820.205</b>	<b>15.286.563.991</b>	<b>119.591.288.807</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	240.973.842.929	24.085.012.931	5.374.649.481	82.892.630.260	353.326.135.601
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>239.175.398.710</b>	<b>24.824.924.624</b>	<b>5.113.720.704</b>	<b>80.513.056.659</b>	<b>349.627.100.697</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

55.052.855.509 , đồng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Phần mềm máy tính với nguyên giá tại ngày 31/12/2016 là 60.000.000 đồng. Tài sản này đã hết khấu hao từ trước ngày 01/01/2016.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	155.012.887	99.327.985
	<b><u>155.012.887</u></b>	<b><u>99.327.985</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.667.230.004	1.868.140.454
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	493.076.588	520.485.896
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	12.665.800.965	12.743.034.340
Chi phí thuê đất	7.342.977.003	7.392.210.744
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.485.615.008	9.102.758.471
	<b><u>29.654.699.568</u></b>	<b><u>31.626.629.905</u></b>

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/03/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Trung tâm thép NSSB Sài Gòn	9.764.792.050	9.764.792.050		
Công ty Cổ phần Dây đồng CFT	46.658.040.932	46.658.040.932	43.365.078.051	43.365.078.051
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	20.203.786.704	20.203.786.704	74.981.795.916	74.981.795.916
Phải trả các đối tượng khác	8.821.716.518	8.821.716.518	6.854.743.432	6.854.743.432
	<b><u>85.448.336.204</u></b>	<b><u>85.448.336.204</u></b>	<b><u>125.201.617.399</u></b>	<b><u>125.201.617.399</u></b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)</b>				
	<b><u>67.562.927.185</u></b>	<b><u>67.562.927.185</u></b>	<b><u>118.946.223.516</u></b>	<b><u>118.946.223.516</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950				9.632.950	
Thuế Tiêu thụ đặc biệt						
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu			751.953.784	849.372.721	97.418.937	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp		6.918.948.141		6.918.948.141		
Thuế Thu nhập cá nhân		1.024.975.267	2.009.842.711	2.367.887.106		666.930.872
Thuế Tài nguyên						
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		1.331.784.440		1.339.742.976	7.958.536	
Thuế bảo vệ môi trường						
Các loại thuế khác			4.000.000	4.000.000		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		834.646.172	22.997.887	857.644.059		
	<b>9.632.950</b>	<b>10.110.354.020</b>	<b>2.788.794.382</b>	<b>12.337.595.003</b>	<b>115.010.423</b>	<b>666.930.872</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	47.940.366.898	10.575.058.935
- Chi phí kiểm toán	370.000.000	597.272.727
- Chi phí phải trả khác	80.000.000	705.411.628
	<b><u>48.390.366.898</u></b>	<b><u>11.877.743.290</u></b>

**17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	3.020.458.734	3.192.367.948
	<b><u>3.020.458.734</u></b>	<b><u>3.192.367.948</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	46.667.983.706	46.945.637.558
	<b><u>46.667.983.706</u></b>	<b><u>46.945.637.558</u></b>

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	87.599.301	48.160.884
- Bảo hiểm xã hội	11.710.272	8.934.072
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	194.000.000	208.050.000
- Cổ tức phải trả cổ đông	161.430.000	196.615.000
- Nhận đặt cọc thực hiện dự án Trụ sở số 10 Trần Nguyễn Hãn, Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Thuế TNCN thu thừa của cán bộ công nhân viên	1.003.454.860	1.003.454.860
- Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	110.269.777	
- Các cổ đông nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm	-	737.100.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	405.000	405.000
	<b><u>21.568.869.210</u></b>	<b><u>22.202.719.816</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.895.037.895	9.062.274.095
- Công ty CP Chứng khoán IB đặt mua chứng quyền	90.000.000.000	90.000.000.000
	<b><u>98.895.037.895</u></b>	<b><u>99.062.274.095</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

**18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

**a . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<b>01/01/2017</b>		<b>Trong kỳ</b>		<b>31/03/2017</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	43.219.444.717	43.219.444.717		43.219.444.717	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (1)	-	-	549.822.872.097	220.232.257.097	329.590.615.000	329.590.615.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (2)	1.078.200.000.000	1.078.200.000.000	730.142.360.273	1.578.200.000.000	230.142.360.273	230.142.360.273
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Ba Đình (3)	31.113.920.806	31.113.920.806	10.037.956.604		41.151.877.410	41.151.877.410
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-
	<b>1.152.533.365.523</b>	<b>1.152.533.365.523</b>	<b>1.540.003.188.974</b>	<b>2.091.651.701.814</b>	<b>600.884.852.683</b>	<b>600.884.852.683</b>



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 16.2650170/2016-HỆTDH/M/NHCT900-GELEX ngày 09 tháng 12 năm 2016, các giấy nhận nợ từ số 09 đến 12 trong tháng 02/2017 và từ số 13 đến số 35 trong tháng 03/2017:
- + Hạn mức tín dụng: 1.000.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức của hợp đồng: đến hết ngày 30/11/2017, thời hạn của các khoản vay: tối đa
  - + Lãi suất cho vay: theo từng thời điểm vay (hiện đang áp dụng: 5,0%/năm và 5,2%/năm)
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 02/2017/HỆTDH/M/NHCT106-GELEX ngày 17 tháng 01 năm 2017; các giấy nhận nợ số 01 ngày 17/01/2017, số 02 ngày 18/01/2017, số 03 ngày 13/02/2017, số 04 ngày 23/02/2017, số 05 ngày 28/02/2017, số 06 ngày 17/03/2017, số 07 và 08 ngày 22/03/2017, số 09 ngày 31/03/2017/21/12/2016:
- + Hạn mức tín dụng: 1.000.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Lãi suất cho vay: theo từng thời điểm vay (hiện đang áp dụng: 4,8%/năm, 5,0%/năm và 5,2%/năm)
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế và hàng tồn kho luân
- (3) Hợp đồng tín dụng số 2107HỆTD.VIB.006.2016 ngày 21 tháng 07 năm 2016 và các đơn đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số 2107.02 ngày 14/10/2016, số 2107.03 ngày 02/11/2016; Hợp đồng tín dụng số 006DN0602.HỆTD.2017 ngày 06/02/2017 và đơn đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số 0602.01 ngày 24/02/2017:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng.
  - + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng hoá;
  - + Thời hạn của khoản vay: từ 04 tháng đến 06 tháng.
  - + Lãi suất cho vay: theo từng thời điểm vay (hiện đang áp dụng: 4,9%/năm và 5,1%/năm)

**b. Vay và thuê tài chính dài hạn**

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn (Trái phiếu):**

- (1) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 612/2016/HỆĐM.TP/VIB-GELEX ngày 06/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số lượng trái phiếu: 1000 (Một nghìn) Trái phiếu
  - + Ngày phát hành: 08/12/2016 ; Ngày đáo hạn: 08/12/2019
  - + Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng)
  - + Giá trái phiếu: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng)
- (2) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01.2016/HỆĐM/TPBANK-GELEX ngày 12/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số lượng trái phiếu: 800 (Tám trăm) trái phiếu
  - + Ngày phát hành: 12/12/2016; Ngày đáo hạn: 12/12/2019
  - + Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng)
  - + Giá trái phiếu: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng)

**20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>26.090.434.247</b>	<b>18.517.030.360</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	26.090.434.247	18.517.030.360
<b>b) Dài hạn</b>	<b>15.868.073.879</b>	<b>25.640.119.184</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	15.868.073.879	25.640.119.184
	<u><b>41.958.508.126</b></u>	<u><b>44.157.149.544</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.550.000.000.000</b>	<b>66.378.000.000</b>	<b>(5.025.000.000)</b>	<b>62.000.000.000</b>	<b>279.157.962.625</b>	<b>1.952.510.962.625</b>
Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	305.506.529.160	305.506.529.160
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	77.656.441.276	(249.651.441.276)	(171.995.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.550.000.000.000</b>	<b>66.378.000.000</b>	<b>(5.025.000.000)</b>	<b>139.656.441.276</b>	<b>335.013.050.509</b>	<b>2.086.022.491.785</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>1.550.000.000.000</b>	<b>66.378.000.000</b>	<b>(5.025.000.000)</b>	<b>139.656.441.276</b>	<b>335.013.050.509</b>	<b>2.086.022.491.785</b>
Tăng vốn trong kỳ này	770.000.000.000	615.748.000.000	-	-	-	1.385.748.000.000
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	2.955.430.562	2.955.430.562
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>2.320.000.000.000</b>	<b>682.126.000.000</b>	<b>(5.025.000.000)</b>	<b>139.656.441.276</b>	<b>337.968.481.071</b>	<b>3.474.725.922.347</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

**b) Cổ phiếu**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.200.000	155.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.200.000	155.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.200.000	155.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	500.000	500.000
- Cổ phiếu phổ thông	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.700.000	154.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	22.700.000	154.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**c) Các quỹ công ty**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	139.656.441.276	139.656.441.276
	<b><u>139.656.441.276</u></b>	<b><u>139.656.441.276</u></b>

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	499,52	447,53
- Đồng Yên Nhật (JPY)	-	

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Quý I năm 2017</u>	<u>Quý I năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	641.289.652.401	371.255.945.371
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.666.081.342	10.442.858.787
	<b><u>655.955.733.743</u></b>	<b><u>381.698.804.158</u></b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)	<b><u>449.648.730.975</u></b>	<b><u>110.311.034.362</u></b>

**24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Quý I năm 2017</u>	<u>Quý I năm 2016</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	201.188.000
	<b><u>-</u></b>	<b><u>201.188.000</u></b>

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Quý I năm 2017</u>	<u>Quý I năm 2016</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	635.694.538.790	318.227.082.367
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.950.953.446	7.201.735.995
	<b><u>644.645.492.236</u></b>	<b><u>325.428.818.362</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	17.550.631.087	1.558.281.928
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.420.453.500	36.899.645.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	496.088.000	687.360
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.540.742.999	
	<b>46.007.915.586</b>	<b>38.458.614.888</b>

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	50.542.307.717	177.593.625
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	116.666.682	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	27.155.244
Hoàn nhập/Trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	16.777.167.627
Chi phí hoạt động tài chính khác	934.059.170	
	<b>51.593.033.569</b>	<b>16.981.916.496</b>

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	91.002.407
Chi phí nhân công	-	158.434.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.221.976.874	2.177.745.175
Chi phí khác bằng tiền	8.000.000	491.778.866
Chi phí bảo hành/Hoàn nhập bảo hành	(2.198.641.418)	5.651.616
	<b>(968.664.544)</b>	<b>2.924.612.655</b>

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.994.570	812.952.344
Chi phí nhân công	5.203.678.427	4.033.140.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	612.588.576	177.069.891
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	5.000.000
Hoàn nhập quỹ KHCN	(7.562.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.140.641.089	2.232.579.208
Chi phí khác bằng tiền	3.165.727.683	2.042.535.145
	<b>3.636.630.345</b>	<b>9.303.276.723</b>

**30 . THU NHẬP KHÁC**

	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
	VND	VND
Thu nhập khác	100.000	50.001
	<b>100.000</b>	<b>50.001</b>

**31 . CHI PHÍ KHÁC**

	Quý I năm 2017	Quý I năm 2017
	VND	VND
Các khoản bị phạt	101.827.161	210.540.166
Chi phí khác	-	1

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

	<b>101.827.161</b>	<b>210.540.167</b>
	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
	VND	VND
<b>32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	316.741.285	172.957.044.599
Chi phí nhân công	6.778.054.146	9.432.518.968
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.949.427.712	8.988.425.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.023.474.841	7.197.152.842
Chi phí khác bằng tiền	2.113.221.263	2.889.407.221
	<b>19.180.919.247</b>	<b>201.464.549.246</b>

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.848.553.477	-	1.952.418.381.205	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	337.497.599.047	-	174.505.148.896	-
Các khoản cho vay	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	853.898.750.000	-	242.046.708.523	-
	<b>1.224.244.902.524</b>	<b>-</b>	<b>2.374.970.238.624</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	2.392.084.852.684	2.946.247.001.887
Phải trả người bán, phải trả khác	205.912.243.309	246.466.611.310
Chi phí phải trả	48.390.366.898	11.877.743.290
	<b>2.646.387.462.891</b>	<b>3.204.591.356.487</b>

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/03/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.848.553.477	-	-	26.848.553.477
Phải thu khách hàng, phải thu khác	337.497.599.047	-	-	337.497.599.047
Các khoản cho vay	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	853.898.750.000	-	-	853.898.750.000
	<b>1.224.244.902.524</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.224.244.902.524</b>

**Tại ngày 01/01/2017**

Tiền và các khoản tương đương tiền	1.952.418.381.205	-	-	1.952.418.381.205
Phải thu khách hàng, phải thu khác	174.505.148.896	-	-	174.505.148.896
Các khoản cho vay	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	242.046.708.523	-	-	242.046.708.523
	<b>2.374.970.238.624</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.374.970.238.624</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/03/2017</b>				
Vay và nợ	600.884.852.683	1.791.200.000.001	-	2.392.084.852.684
Phải trả người bán, phải trả khác	107.017.205.414	98.895.037.895	-	205.912.243.309
Chi phí phải trả	48.390.366.898	-	-	48.390.366.898
	<b>756.292.424.995</b>	<b>1.890.095.037.896</b>	<b>-</b>	<b>2.646.387.462.891</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	1.152.533.365.523	1.793.713.636.364	-	2.946.247.001.887
Phải trả người bán, phải trả khác	147.404.337.215	99.062.274.095	-	246.466.611.310
Chi phí phải trả	11.877.743.290	-	-	11.877.743.290
	<b>1.311.815.446.028</b>	<b>1.892.775.910.459</b>	<b>-</b>	<b>3.204.591.356.487</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 19.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Quý I năm 2017 VND	Quý I năm 2016 VND
<b>Góp vốn/mua thêm phần vốn góp</b>		<b>1.953.113.917.735</b>	<b>6.123.660.000</b>
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	430.436.480.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX	Công ty con	942.500.000.000	
Công ty cổ phần kho vận Miền Nam	Công ty con	580.177.437.735	
Công ty cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	-	6.123.660.000
<b>Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>449.648.730.975</b>	<b>110.311.034.362</b>
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	374.031.493.075	105.151.969.494
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	181.378.880	1.643.673.720
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	-	144.630.288
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Công ty con	2.362.203.812	
Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX	Công ty con	32.480.320	
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	73.041.174.888	2.473.802.860
Công ty cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	-	896.958.000
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>429.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX	Công ty con	429.000.000	
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>		<b>155.471.249.868</b>	<b>129.014.365.091</b>
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	63.905.926.000
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Công ty con	30.271.067.920	-
Công ty cổ phần kho vận Miền Nam	Công ty con	606.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	124.594.181.948	65.108.439.091
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		<b>51.820.453.500</b>	<b>34.747.136.000</b>
Công ty cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	51.820.453.500	31.277.056.000
Công ty cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	-	3.470.080.000
<b>Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:</b>			
	Mối quan hệ	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>121.470.072.105</b>	<b>92.658.489.064</b>
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	58.751.758.804	81.430.811.033
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	1.275.208	485.617
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con	-	297.221.650
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	-	10.881.605.862
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Công ty con	-	48.364.902
Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX	Công ty con	1.230.724	
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	62.715.807.369	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý I năm 2017

<b>Phải thu khác</b>		-	<b>4.957.327.000</b>
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con		4.957.327.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>67.562.927.185</b>	<b>118.946.223.516</b>
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	599.349.549	599.349.549
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Công ty con	20.203.786.704	74.981.795.916
Công ty cổ phần kho vận Miền Nam	Công ty con	101.750.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	46.658.040.932	43.365.078.051
<b>Phải thu lãi cho vay</b>		<b>2.288.926.363</b>	<b>2.288.926.363</b>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.288.926.363	2.288.926.363
<b>Phải trả khác</b>		<b>110.269.777</b>	-
Công ty cổ phần kho vận Miền Nam	Công ty con	110.269.777	




---

**Dương Việt Nga**  
 Người lập




---

**Phạm Tuấn Anh**  
 Kế toán trưởng



---

**Nguyễn Văn Tuấn**  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2017